



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ  
Phòng Thông tin - Văn hóa  
Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh  
Hà Nội, Việt Nam  
(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ  
CÁC VẤN ĐỀ DÂN CHỦ, 11/2001

## TỰ DO TÔN GIÁO NHƯ LÀ MỘT QUYỀN CỦA CON NGƯỜI

### SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ DO TÔN GIÁO VỚI TỰ CÁCH LÀ QUYỀN CON NGƯỜI TRÊN TOÀN CẦU

Derek H. Davis

*Trong những năm sau thế chiến II, ý tưởng về tự do tôn giáo đã phát triển thành quyền con người trên toàn cầu mà tất cả quốc gia trên thế giới đều có nghĩa vụ phải bảo vệ. Trong bài viết sau đây, Derek Davis, Giám đốc trung tâm nghiên cứu Nhà thờ và Nhà nước tại Đại học Baylor ở Texas và là một chuyên gia về "Tôn giáo - quyền tự do cơ bản", bàn về bốn trụ cột của tự do tôn giáo quốc tế và vấn đề nghĩa vụ đối với hiến ước quốc tế có thể được thực hiện đầy đủ như thế nào.*

Thế kỷ XX đã chứng kiến sự tiến bộ chưa từng thấy trong việc quốc tế hoá những quyền tôn giáo của con người. Hội nghị các nghị viện thế giới bàn về tôn giáo đã được tổ chức tại Chicago năm 1893 như một bộ phận của Hội nghị Columbia, một sự kiện quan trọng trong lịch sử tôn giáo thế giới mà từ lâu đã bị lãng quên. Nguyên tắc chủ đạo của Hội nghị là không một nhóm tôn giáo nào có thể bị ép buộc phải từ bỏ những đòi hỏi của mình về chân lý. Năm 1944, Hội đồng Liên bang các Nhà thờ Mỹ đã thành lập một Uỷ Ban Nghiên cứu các Cơ sở của một nền hoà bình Công bằng và Bên vững. Uỷ Ban đề ra "sáu trụ cột của hoà bình" trong đó kết hợp các biện pháp có tính chiến thuật như "cải cách các hiệp ước toàn cầu" và "kiểm soát các cơ sở quân sự" với những nguyên tắc như "nền tự trị cho các dân tộc bị lệ thuộc" và "quyền tự do tôn giáo và trí tuệ của cá nhân ở mọi nơi". Một nhóm khác là Uỷ ban giáo hội Hoa Kỳ về các vấn đề quốc tế (CCIA) đã giúp đưa vấn đề tự do tôn giáo vào Tuyên Ngôn Toàn cầu về Nhân quyền được Liên Hiệp Quốc thông qua vào năm 1948.

Bổ sung thêm cho Tuyên ngôn toàn cầu, ba văn kiện quốc tế quan trọng khác cũng được công bố vào thế kỷ XX nhằm thúc đẩy những nguyên tắc tự do tôn giáo: Công ước Quốc tế về quyền Dân sự và Chính trị (1966), Tuyên ngôn Liên Hợp Quốc về việc Xoá bỏ mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử vì lý do Tôn giáo và Tín ngưỡng (1981) và Văn kiện Ký kết ở Vienne (1989). Các văn kiện này thúc đẩy tự do tôn giáo bằng việc làm sáng tỏ những quyền này có tầm quan trọng đến mức chúng phải có tính toàn cầu. Các văn bản được trình bày như sau:

## BỐN TRỤ CỘT CỦA TỰ DO TÔN GIÁO QUỐC TẾ

Trong bốn văn kiện quốc tế cơ bản phổ biến nguyên tắc tự do tôn giáo trong thế kỷ XX, thì văn kiện quan trọng nhất là Tuyên Ngôn Toàn cầu về Nhân quyền được Liên Hợp Quốc thông qua năm 1948. Văn bản có tính lịch sử này công nhận một số quyền quan trọng về tôn giáo. Điều 18 là điều khoản có tính then chốt:

Mỗi người đều có quyền tự do về tư tưởng, tâm linh và tôn giáo. Quyền này bao gồm tự do thay đổi tôn giáo hoặc tín ngưỡng và tự do bày tỏ tôn giáo hay tín ngưỡng của mình bằng việc giảng đạo, hành đạo, thờ phụng và lễ tiết trong phạm vi cá nhân hoặc cùng với những người khác trong cộng đồng, trong phạm vi công cộng hoặc tư nhân.

Tuyên ngôn khẳng định một cách mạnh mẽ rằng sự khác biệt về tôn giáo giữa các cá nhân cần phải được tôn trọng. Tuyên ngôn bao gồm nguyên tắc chính trị rằng chính phủ có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lựa chọn tôn giáo và không ép buộc qui thuận tôn giáo. Phải mất hàng thế kỷ, thậm chí hàng thiên niên kỷ trải qua các cuộc chiến tranh tôn giáo và đàn áp tôn giáo, hầu hết các quốc gia - nhà nước hiện đại mới đạt tới nguyên tắc này và giờ đây nguyên tắc này đã được chấp nhận rộng rãi, đặc biệt là ở các nước phương Tây. Nguyên tắc về tự do tôn giáo hiện đại, trong đó các chính phủ tuyên bố đứng trung lập về các vấn đề tôn giáo, để cho cá nhân mỗi công dân tiếp nhận tín ngưỡng, tôn giáo dựa trên phẩm giá của họ và không sợ bị trả thù, là sự phát triển của thời đại Khai sáng. Nguyên tắc này được toàn cầu công nhận trong bản tuyên ngôn năm 1948 và hiển nhiên là một bước ngoặt quan trọng trong sự tiến triển của tự do tôn giáo quốc tế.

Bản tuyên ngôn đề cập tới "chuẩn mực chung bắt nguồn từ những thành tựu của các dân tộc và quốc gia". Được soạn thảo sau những nỗi kinh hoàng khủng khiếp của thế chiến II, bản tuyên ngôn đưa ra một chuẩn mực theo đó các dân tộc trên thế giới học được cách sống trong hoà bình và hợp tác. Nếu trong thiên niên kỷ này, thế giới được hưởng một nền hoà bình bền vững hơn nhiều các thiên niên kỷ trước đây, thì có thể là các nhà sử học trong tương lai sẽ nhìn nhận năm 1948 là năm khởi đầu của một kỷ nguyên hoà bình mới, chẳng hạn như giờ đây chúng ta nhìn nhận năm 313 (năm công bố sắc lệnh Milan) là năm khởi đầu của Liên hiệp Constantin giữa nhà thờ và nhà nước hoặc năm 1517 (Martin Luther King nêu ra trong luận đề 95) là năm khởi đầu cuộc cải cách của đạo Tin Lành. Quả thật không còn cách nào hay hơn để nhấn mạnh ý nghĩa của Tuyên Ngôn Toàn Cầu về Nhân Quyền.

Trong khi Tuyên ngôn đặt ra nghĩa vụ về đạo đức đối với các nước ký kết Tuyên ngôn, thì các văn kiện tiếp theo đi xa hơn trong việc đề ra nghĩa vụ có tính pháp lý để tuân thủ những nguyên tắc rất rộng của Tuyên ngôn. Công ước Quốc tế về quyền Dân sự và Chính trị (1966) cho đến nay được 144 nước phê chuẩn, cấm phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo như được nêu ra trong Điều 2 (1)" không được phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, ngôn luận chính trị hoặc các khía cạnh khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, nguồn gốc gia tộc hoặc những khía cạnh khác." Điều 18 cũng đảm bảo những quyền tương tự trong điều 18 của Tuyên ngôn toàn cầu và còn bổ sung thêm những quyền khác, kể cả quyền của cha mẹ trực tiếp giảng đạo cho con cái. Điều 20 cấm xúi giục lòng hận thù đối với những người khác vì lý do tôn giáo. Điều 27 bảo vệ thành viên các nhóm sắc tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ thiểu số để họ được hưởng nền văn hoá của chính họ. Hơn nữa, Công ước năm 1996 đưa ra một định nghĩa rất rộng về tôn giáo, bao gồm tôn giáo hữu thần, phiếm thần và cả "những tín ngưỡng hiếm thấy và hầu như không ai biết đến".

Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về việc Xoá bỏ mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử vì lý do Tôn giáo và Tín ngưỡng, được thông qua vào năm 1981, cũng là một văn kiện chủ chốt nữa nhằm bảo vệ các quyền tôn giáo. Điều 1 và 6 quy định một danh sách toàn diện các quyền tự do tư tưởng, tâm linh và tôn giáo. Những quyền này bao gồm: (1) thờ phụng hoặc tụ họp liên quan đến tôn giáo và tín ngưỡng, xây dựng và duy trì những địa điểm để thực hiện những mục đích này, (2) thiết lập và duy trì những cơ sở từ thiện và nhân đạo thích hợp, (3) biên soạn, tìm kiếm và sử dụng với mức độ đầy đủ những bài viết và tài liệu cần thiết,

liên quan tới lễ tiết và phong tục của một tôn giáo hoặc tín ngưỡng, (4) biên soạn, xuất bản và phổ biến những ấn phẩm liên quan đến những lĩnh vực này, (5) giảng đạo ở những địa điểm thích hợp với những mục đích này, (6) yêu cầu và nhận những khoản đóng góp tài chính và những đóng góp tự nguyện khác của các cá nhân và tổ chức, (7) tuân theo những ngày nghỉ và kỷ niệm những ngày lễ phù hợp với giới luật của một tôn giáo hay tín ngưỡng nào đó, (8) thiết lập và duy trì liên lạc với các cá nhân và cộng đồng về các vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng ở cấp độ nhà nước và quốc tế.

Cuối cùng, Văn kiện Ký kết ở Vienne năm 1989 cũng bao gồm những điều khoản tương tự như các văn kiện năm 1948, năm 1966, năm 1981, yêu cầu phải tôn trọng sự khác biệt về tôn giáo, đặc biệt giữa các cộng đồng tín ngưỡng khác nhau. Những nước tham gia hoàn toàn nhất trí đảm bảo "thực hiện đầy đủ và hiệu quả tự do tư tưởng, tâm linh, tôn giáo hoặc tín ngưỡng."

Trong thực tế, những văn kiện quốc tế này chỉ ràng buộc những quốc gia đã góp phần để đem lại cho các văn kiện một địa vị pháp lý. Nói một cách khác, bản thân chúng không có hiệu lực. Tuy việc bảo vệ tự do tôn giáo ghi trong các văn kiện quốc tế không có hiệu lực pháp lý, nhưng chúng định hình luật pháp về nhân quyền ở những nước tham gia văn kiện và chúng là đặc điểm chủ yếu của một trật tự thế giới phát triển, hứa hẹn hoà bình hơn. Tuy vậy trong thế giới ngày nay, tôn giáo vẫn là nguồn gốc của những xung đột to lớn và những nguyên tắc cơ bản của tự do tôn giáo thường bị lạm dụng hơn là được tôn trọng. Có thể làm nhiều hơn nữa để tăng cường tự do tôn giáo không?

## **ĐÚA NGHĨA VỤ QUỐC TẾ VÀO TRONG THỰC TIỄN**

Đàn áp tôn giáo vẫn tiếp tục là một vấn đề nghiêm trọng trên thế giới, mặc dù cộng đồng quốc tế đã tiến được những bước quan trọng nhằm đối phó tình trạng đó, đặc biệt là từ sau thế chiến II, và là điều nhắc nhở chúng ta rằng các tuyên ngôn, công ước, và những văn kiện khác không dễ gì áp dụng được trong thực tiễn. Các học giả nhấn mạnh rằng ít nhất có bốn lĩnh vực mà những tiếp cận sâu rộng về mặt cơ chế có thể có hiệu quả giúp cho tự do tôn giáo không chỉ là một lý tưởng trên toàn thế giới mà còn trở thành hiện thực trên toàn thế giới.

## **THỰC THI CÁC HIỆP ƯỚC**

Các quốc gia phải nghiêm túc thực hiện các điều khoản của Hiệp ước quốc tế về nhân quyền bằng việc đưa những điều khoản đó vào hệ thống luật pháp của nước mình. Có lẽ không phải là sự lặp lại thừa thãi khi nói rằng tự do tôn giáo trên thế giới có thể đã trở thành một thói quen, nếu tất cả các nước trên thế giới đều tuân thủ các công ước và văn kiện được đưa ra sau thế chiến II. Điều này không phải phản ánh một sự thật là đã có quá nhiều chính phủ tự cho mình được hưởng sự xa xỉ của việc sưởi ấm bản thân mình trong ánh chói chang của những lý tưởng ở các văn kiện mà họ đã ký kết, trong khi không có hành động pháp lý cần thiết nào để biến ý tưởng thành hiện thực.

## **XÂY DỰNG PHÁP LUẬT**

Các chính phủ trên thế giới phải thi hành những luật có ý nghĩa nhằm kiểm soát tình trạng đàn áp tôn giáo. Năm 1998, Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế. Dựa theo đạo luật này, Bộ Ngoại giao được uỷ quyền đưa ra báo cáo thường niên đánh giá và tường trình sự vi phạm tự do tôn giáo ở mỗi nước. Bộ Ngoại giao cũng xem xét những đề nghị của Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Hoa Kỳ ( USCIRF) gồm 9 thành viên. Dựa vào báo cáo thường niên, tổng thống Hoa Kỳ có thể áp đặt hàng loạt trừng phạt và hạn chế đối với những nước bị phát hiện vi phạm. Việc xây dựng luật là điều gây tranh cãi trên phạm vi quốc tế, nhưng là biện pháp giúp thúc đẩy sự nghiệp tự do tôn giáo trên bình diện quốc tế. Đạo luật không hề có ý đồ áp đặt

"phương cách Mỹ" đối với các quốc gia khác, mà nó dựa trên lòng tin được toàn cầu chấp nhận về phẩm giá bất khả xâm phạm của con người và của những quyền lợi có tính toàn cầu vốn bắt nguồn từ lòng tin đó.

## GIÁO DỤC

Còn nhiều việc phải làm để nhân dân thế giới nhận rõ rằng sự đàn áp tôn giáo ở mức độ nghiêm trọng vẫn tồn tại ở khá nhiều khu vực trên thế giới. Cần tổ chức nhiều hơn nữa các hội nghị và diễn đàn nhằm tập trung vào vấn đề này, và trợ giúp nhiều hơn nữa (về ngôn luận và tài chính) cho các tổ chức nhân quyền phi chính phủ, như tổ chức Theo dõi Nhân quyền và Hiệp hội Tự do Tôn giáo Quốc tế theo dõi các vụ lạm dụng nhân quyền trên thế giới và báo cáo cho các chính phủ cùng những nhóm khác có liên quan.

## SỰ TÁCH BIỆT GIỮA NHÀ THỜ VÀ NHÀ NƯỚC

Cần phải có những cố gắng mới để tất cả các tổ chức chính trị, tôn giáo và xã hội tôn trọng hơn nữa đối với một quan điểm hiện đại cho rằng những lợi ích chủ yếu của giới chính trị là đầy mạnh hoà bình, công lý, tự do và bình đẳng, chứ không phải là thúc đẩy tôn giáo. Đó là ý nghĩa cơ bản của sự tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước. Tất nhiên, mâu thuẫn nổi bật ở đây, về mặt lịch sử chính là tôn giáo đã từng là cơ sở của mọi lĩnh vực trong đời sống, kể cả chính trị. Như William Penn, một tín đồ xuất sắc của tổ chức Quaker vào năm 1692 đã từng viết rằng: "Chính phủ dường như là một bộ phận của tôn giáo - một cái gì đó thiêng liêng về cơ chế và mục đích." Nhưng tất nhiên Penn là người bắt đầu chủ trương phân lập giữa nhà thờ và nhà nước và ông ngày càng tiến đến một quan điểm cho rằng tôn giáo về cơ bản là mối quan tâm của con người và của cá nhân, còn chính phủ nên có vai trò bảo vệ tất cả mọi quan điểm tôn giáo, chứ không chỉ bênh vực một quan điểm nào đó. Từ thời đại của Penn đến nay, các quốc gia- nhà nước ngày càng tiếp nhận quan điểm này và các văn kiện về nhân quyền của thế kỷ XX cũng vậy. Như đã được đề xuất, quan điểm này cần được các cơ sở giáo dục giảng dạy thông qua các chương trình học về tác động qua lại giữa tôn giáo và chính phủ trong thế giới hiện đại.

Để kết luận, chúng ta, những thành viên của cộng đồng thế giới, thề với bản thân và con cháu chúng ta là phải làm cho quyền tự do tôn giáo trở thành hiện thực đối với tất cả mọi người. Khi chúng ta bắt đầu bước vào thế kỷ XXI, không có một nhiệm vụ nào quan trọng hơn thế.

Toàn văn bài viết có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/1101/ijde/davis.htm> (Tiếng Anh)

[http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhta62\\_3.html](http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhta62_3.html) (Tiếng Việt)